

Số: ~~2671~~ /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày ~~19~~ tháng 12 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình  
Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất 1**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:..... <i>11.041</i> .....
	Ngày <i>21</i> / <i>12</i> / <i>16</i> .....
	Chuyên:.....

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;  
Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;  
Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;  
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;  
Căn cứ Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất 1;  
Xét đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi tại Tờ trình số 106A/TTr-BQL ngày 27/10/2016 về việc xin thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất 1 và Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại báo cáo kết quả thẩm định số 3135/SGTVT-KT&CL ngày 31/10/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất 1, với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất 1.
2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi.
3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Nhằm xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kết nối các bến cảng góp phần khai thác tối đa hiệu quả của cảng nước sâu Dung Quất 1, từ đó góp phần thu hút đầu tư phát triển Khu kinh tế Dung Quất trở thành Khu kinh tế trọng điểm miền trung
4. Nội dung và quy mô đầu tư:
  - a) Quy mô:
    - Chiều dài tuyến: L=1.563m.

- Điểm đầu: Giao với đường Quốc lộ 24C tại Km2+22,3
- Điểm cuối: Giao với đường Võ Văn Kiệt.
- Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

TT	Chi tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Thông số
1	Cấp thiết kế đường		Đường phố gom
2	Tốc độ thiết kế	Km/h	50
3	Bề rộng		
	+ Nền đường	m	30,0
	+ Mặt đường	m	15,0
	+ Vía hè	m	2x7,5=15,0
4	Dốc ngang mặt đường	%	2%
5	Dốc ngang vỉa hè	%	2%
6	Kết cấu mặt đường		BTN, Cấp cao A1, $E_{yc}=155\text{Mpa}$
7	Tải trọng thiết kế		
7.1	Tuyến	kN	120
7.2	Công trình trên tuyến		
	+ Cống qua đường		H30-XB80
	+ Cống thoát nước dọc		H10-XB60
8	Tần suất thiết kế		
	Tuyến, cống thoát nước	%	4

- Hệ thống an toàn giao thông.
- Hệ thống cây xanh, vỉa hè, điện chiếu sáng,
- Đường dây trung thế 22kV.

b) Phân kỳ đầu tư:

Dự án đầu tư xây dựng phân thành 02 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Đoạn Km0+00 – Km0+292,40 và Km1+069,06 – Km1+563,25.

- Giai đoạn 2: Đoạn Km0+292,40 – Km1+069,06, đầu tư khi đã thực hiện công tác san nền.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Đầu tư Quảng Ngãi.

6. Chủ nhiệm lập dự án: Lê Công Minh Duyệt.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

8. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 05ha.

9. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III.

10. Số bước thiết kế: 02 bước.

11. Phương án xây dựng:

a) Bình đồ: Tim tuyến bám theo Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp phía Đông Dung Quất đã được phê duyệt tại Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và Công văn số 1263/BQL-QLQH&XD ngày 16/9/2016 của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch, quy mô xây dựng tuyến đường trực liên cảng Dung Quất 1.

b) Trắc dọc: Cao độ tuân theo Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp phía Đông Dung Quất đã được phê duyệt tại Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và Công văn số 1263/BQL-QLQH&XD ngày 16/9/2016 của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch, quy mô xây dựng tuyến đường trực liên cảng Dung Quất 1.

c) Trắc ngang: Trắc ngang được thiết kế với quy mô bề rộng nền  $B_n=30,0m$ , bề rộng mặt đường  $B_m=15,0m$ , bề rộng vỉa hè  $B_{vh}=2 \times 7,5m=15,0m$ ; Độ dốc mặt đường và vỉa hè 2%; Mặt đường dốc ngang 2 mái hoặc 1 mái, đối với các đoạn có bố trí siêu cao khi vào đường cong có bán kính nhỏ, độ dốc siêu cao 4%.

d) Nền đường:

- Giai đoạn 1 (Km0+0,00 ÷ Km0+292,40 & Km1+069,06 ÷ Km1+563,25):

+ Nền đào: Đào nền đường đến cao độ thiết kế, thay 50cm dưới kết cấu áo đường bằng đất đồi đầm chặt  $K \geq 0,98$  và 30 cm tiếp theo lu lèn nền tự nhiên đạt độ chặt  $K \geq 0,95$ ; taluy nền đào  $m=1:1$ ;

+ Nền đắp: Sau khi bóc hữu cơ, đắp bằng đất đồi đầm chặt  $K \geq 0,95$ , 50cm trên cùng đắp đất đồi đầm chặt  $K \geq 0,98$ , taluy nền đắp  $m=1:1,5$ .

- Giai đoạn 2 (Km0+292,40 ÷ Km1+069,06): Đào nền đường đến cao độ thiết kế, thay 50cm dưới kết cấu áo đường bằng đất đồi đầm chặt  $K \geq 0,98$  và 30cm tiếp đầm chặt  $K \geq 0,95$ .

e) Mặt đường: Mặt đường cấp cao A1, thiết kế các lớp kết cấu lần lượt như sau: Lớp BTNC 12,5 dày 5cm; Lớp BTNC 19 dày 7cm; Lớp cấp phối đá dăm loại 1  $D_{max}=25mm$  dày 15cm, lớp cấp phối đá dăm loại 1  $D_{max}=37,5mm$  dày 35cm.

f) Mái taluy: Thiết kế gia cố mái taluy bên phải tuyến đoạn Km0+292,40 ÷ Km1+069,06 bằng khung dầm BTCT M200 và xếp đá hộc chèn móc ổn định; đổ đá hộc chân kè.

g) Bó vỉa: Bề mặt bê tông M300, loại vát nghiêng với chiều cao bó vỉa  $h=15\text{cm}$ , độ dốc mặt nghiêng không quá 40%.

h) Nút giao thông: Bố trí nút theo quy hoạch; Thiết kế nút giản đơn, giao cắt cùng mức, vuốt nổi êm thuận và đảm bảo an toàn giao thông.

i) Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/ BGTVT.

j) Hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống thoát nước: Thiết kế cống tròn BTLT đúc sẵn chịu lực, đường kính  $D(600-1000)\text{mm}$ , bố trí tuyến cống dọc hai bên đường, ngầm dưới vỉa hè. Hồ ga dưới đường thiết kế BTCT, hồ ga vỉa hè thiết kế bê tông mác 200, nắp thăm hồ ga bằng gang; Hồ thu nước thiết kế BTCT mác 250; Song chắn rác bằng gang.

- Vỉa hè: Vỉa hè lát gạch Terazzo, móng vỉa hè thiết kế bê tông M150.

- Điện chiếu sáng: Nguồn điện được đấu nối từ trạm biến áp liên cảng Dung Quất 30kVA xây dựng mới. Tuyến chiếu sáng đi ngầm hai bên vỉa hè sử dụng cáp  $\text{Cu/XLPE/DSTA/PVC}(4\times 6)\text{mm}^2$ , đèn chiếu sáng sử dụng đèn Led công suất 107W, cột chiếu sáng sử dụng cột thép mạ kẽm cao 10m, cần rời. Tổng chiều dài đường dây chiếu sáng đi ngầm  $(4\times 6)\text{mm}^2$  là 3606m, tổng số cột đèn chiếu sáng là 90 bộ. Móng cột đèn chiếu sáng sử dụng bê tông mác 200 đá  $2\times 4$  kích thước  $600\times 600\times 1200\text{mm}$ .

k) Hạng mục đường dây trung thế và Trạm biến áp:

- Phần đường dây 22kV:

+ Dây dẫn: Dây dẫn cáp điện cho trạm biến áp dùng loại cáp ngầm, ruột đồng bọc PVC, cách điện XLPE-24kV. Ký hiệu:  $\text{Cu/XLPE/DSTA/PVC}(3\times 50)\text{mm}^2 - 24\text{kV}$ .

+ Cách điện và phụ kiện:

• Tại các vị trí cáp ngầm lên cột phải được lắp chống sét van và nối đất vỏ cáp để bảo vệ cáp, trị số điện trở nối đất phải đảm bảo không được lớn hơn trị số trong bảng II.5.5 của điều II.5.72 của quy phạm trang bị điện.

• Tại vị trí đấu nối vào đường dây 22kV hiện có sử dụng bộ đấu rẽ cho dây bọc có tiết diện phù hợp (Bao gồm kẹp cáp xuyên cách điện, chốt đấu rẽ và khóa đầu lèo).

+ Dây bọc trung thế phải sử dụng phụ kiện phù hợp tránh các trường hợp làm hư hỏng lớp vỏ cách điện, làm mất an toàn trong quá trình vận hành và gây sự cố. Yêu cầu chung của phụ kiện dùng cho dây bọc:

• Phụ kiện không làm hư hại lớp vỏ cách điện của dây dẫn.

• Phụ kiện sử dụng cho dây bọc cách điện phải đảm bảo độ kín, tránh không cho nước thâm nhập vào lõi dây dẫn.

+ Các biện pháp bảo vệ:

- Trị số điện trở nối đất phải thực hiện theo Điều II.5.72 của Quy phạm trang bị điện 11TCN 19-2006 (đảm bảo  $R_{nd} \leq 15\Omega$  đối với khu vực đông dân cư và vùng có điện trở suất của đất  $100 \Omega m < \rho \leq 500 \Omega m$ ) ở bất kỳ thời điểm nào trong năm.

- Tại vị trí cột đầu nối có lắp cờ chỉ thị pha được treo trực tiếp trên dây dẫn, theo thứ tự vàng, xanh, đỏ. Cờ chỉ thị được làm bằng mica màu, kích thước của cờ là 100x50x3, có lỗ khoan để gắn trực tiếp vào dây dẫn.

+ Xây dựng đường dây:

- Cáp lên, xuống cột được luồn trong ống thép  $\varnothing 114$  dày 5mm để bảo vệ cáp.

- Tuyến đi trong mương cáp nền đất có độ sâu chôn cáp là 0.8m so với mặt nền, cáp được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE  $\varnothing 130/100$  cáp nằm giữa lớp cát, phía trên là lớp gạch thẻ bảo vệ suốt chiều dài mương cáp. Bố trí mốc báo cáp ngầm liên tiếp nhau cách đều 10m trên mặt nền.

- Cáp vượt đường có độ sâu chôn cáp là 1m so với mặt đường, cáp được luồn trong ống thép mạ kẽm  $\varnothing 114$  dày 4,6mm, ống thép luồn cáp được thi công bằng phương pháp khoan ống qua đường để tránh làm hư hại mặt đường.

- Xà: Toàn bộ xà được gia công từ thép mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ không được nhỏ hơn  $85\mu m$ .

- Tại hai đầu các vị trí vượt đường bố trí hố ga để xử lý cáp.

- Phần Trạm biến áp:

+ Sơ đồ nối điện:

- Phía trung áp của máy biến áp dùng sơ đồ khối đường dây – máy biến áp.

- Phía hạ áp của máy biến áp dùng sơ đồ một lộ tổng.

- Tủ điện hạ áp đặt tại trạm biến áp gồm có 02 ngăn: 01 ngăn bố trí aptômat, 01 ngăn bố trí các đồng hồ đo đếm điện năng hữu công và vô công để tiện cho việc quản lý, vận hành sau này.

+ Các biện pháp bảo vệ:

- Bảo vệ ngắn mạch và quá tải phía trung áp dùng cầu chì tự rơi (FCO-24kV) đặt ngoài trời.

- Bảo vệ sóng quá điện áp truyền từ đường dây vào trạm dùng chống sét van (LA-18kV).

- Bảo vệ ngắn mạch và quá tải phía hạ áp bằng aptômat tổng loại 3 pha, 3 cực 30A-600V.

+ Nối đất trạm:

- Tại trạm biến áp xây dựng mới 01 hệ thống nối đất chung kiểu cọc, tia hỗn hợp; Ký hiệu: LR-16 gồm 16 cọc bằng thép L63x63x6 mạ kẽm nhúng nóng dài 2m làm các cọc nối đất. Thanh tiếp đất bằng thép tròn CT3 Ø12 mạ kẽm. Liên hệ giữa các cọc và thanh bằng liên kết hàn điện.

- Dây nối từ vỏ các thiết bị, trung tính MBA đến dây tiếp địa cột, dùng dây đồng trần M35. Trị số điện trở nối đất trung tính của máy biến áp theo quy định tại Điều 1.7.52 của Quy phạm trang bị điện 11TCN-18-2006 và các chi tiết tiếp đất khác thực hiện theo Điều II.5.72 của Quy phạm trang bị điện 11TCN-19-2006.

+ Xây dựng Trạm biến áp:

- Trạm biến áp được xây dựng theo kiểu trạm 1 cột thép ngoài trời, máy biến áp đặt trên bệ đỡ của cột thép rỗng, bên trong có ống luồn cáp trung thế, hạ thế, chiếu sáng, bảng điện để lắp đặt hệ thống đo đếm và áp tô mát tổng.

- Cột thép trạm biến áp: Dùng cột thép mạ kẽm cao 3m được gia từ thép tấm dày 5mm.

- Móng cột trạm biến áp: Sử dụng loại bê tông đúc móng M150, đá 2x4; lót móng bằng bê tông M150, đá 4x6. Ký hiệu MCS.

11. Hệ thống an toàn giao thông Thiết kế theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/ BGTVT.

12. Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng: Thực hiện theo mặt cắt ngang nền đường.

13. Tổng mức đầu tư:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Hạng mục kinh phí	Tổng mức đầu tư	Giai đoạn I	Giai đoạn II
1	Chi phí xây dựng	87.315.574	19.018.809	68.296.765
2	Chi phí QLDA	1.188.286	258.829	929.457
3	Chi phí Tư vấn ĐTXD	4.514.177	2.701.518	1.812.659
4	Chi phí BT, GPMB	31.630.538	31.630.538	0
5	Chi phí khác	6.159.558	2.236.578	3.922.980
6	Chi phí dự phòng	16.070.313	3.184.369	12.885.944
<b>Tổng cộng</b>		<b>146.878.446</b>	<b>59.030.641</b>	<b>87.847.805</b>

14. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư hạ tầng Khu kinh tế ven biển.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

16. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2017 - 2020.

**Điều 2.** Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư có trách nhiệm:

1. Thực hiện tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư theo Công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt.

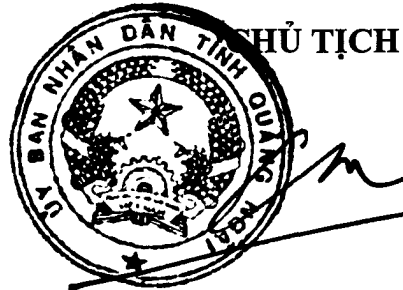
3. Thực hiện các nội dung kiến nghị nêu tại Kết quả thẩm định dự án của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 3135/SGTVT-KT&CL ngày 31/10/2016.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy (B/cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: KT, TH, CBTH;
- Lưu: VT, CN (Inphong503)



**Trần Ngọc Căng**